

## PHỤ LỤC 2

### Cấu trúc đề thi môn chuyên tuyển sinh lớp 10 THPT chuyên Lam Sơn từ năm học 2025-2026

(Kèm theo Thông báo số .../TB-SGDĐT ngày /01/2025 của Sở GD&ĐT)

#### I. Môn Toán

**1. Thời gian làm bài:** 150 phút, không kể thời gian giao đề

**2. Hình thức:** Tự luận

**3. Thang điểm:** 10 điểm.

**4. Cấu trúc đề thi**

Yêu cầu chung

- Đề thi gồm 6 câu hỏi tự luận, kiểm tra các năng lực Toán học, trong đó: Năng lực tư duy và lập luận toán học không quá 40%, năng lực giải quyết vấn đề toán học không quá 60%, năng lực mô hình hoá toán học ít nhất 10%.

- Mức độ yêu cầu: Biết: 20%, Hiểu: 30%, Vận dụng: 50%.

**Câu I:** (2,0 điểm)

Biểu thức đại số, đa thức

**Câu II:** (1,0 điểm)

Phương trình, hệ phương trình (phương trình bậc hai, phương trình quy về bậc hai, giải bài toán bằng cách lập phương trình..)

**Câu III:** (1,0 điểm)

Xác suất tổ hợp hoặc các bài toán thực tế

**Câu IV:** (2,0 điểm)

- Phương trình nghiệm nguyên, phần nguyên, số nguyên tố, hợp số, số chính phương.

- Toán chia hết.

- Các bài toán có nội dung số học.

**Câu V:** (3,0 điểm)

- Hình học: Tứ giác nội tiếp, hệ thức lượng trong tam giác, đoạn thẳng bằng nhau, góc bằng nhau, ba điểm thẳng hàng, độ dài đoạn thẳng, số đo cung, góc, diện tích, quan hệ giữa đường thẳng, cực trị hình học, tìm tập hợp điểm ...

- Ứng dụng hình học trong bài toán thực tế.

**Câu VI:** (1 điểm) Toán suy luận logic.

## II. Môn Vật lí

1. Thời gian làm bài: 150 phút, không kể thời gian giao đề.

### 2. Cấu trúc đề thi

TT	Mạch nội dung	Số điểm	Số câu hỏi	Loại câu hỏi	
<b>Phân chung</b>	Trái Đất và bầu trời	1,0	1	Tự luận	
<b>Phân riêng</b>	1	Cơ học	2,0	1	Tự luận
	2	Quang học	3,0	1	Tự luận
	3	Điện học	2,0	1	Tự luận
	4	Nhiệt học	1,0	1	Tự luận
	5	Thí nghiệm, thực hành	1,0	1	Tự luận
Tổng số		<b>10,0</b>	<b>6</b>	Tự luận	

### 3. Nội dung đề thi

TT	Mạch nội dung	Nội dung thi
<b>Phân chung</b>		
	Trái Đất và bầu trời	<ul style="list-style-type: none"><li>- Chuyển động nhìn thấy của Mặt Trời;</li><li>- Chuyển động nhìn thấy của Mặt Trăng;</li><li>- Hệ Mặt Trời;</li><li>- Ngân Hà;</li><li>- Chu trình các chất trong hệ sinh thái.</li><li>- Sinh quyển và các khu sinh học trên Trái Đất.</li><li>- Khai thác tài nguyên từ vỏ Trái Đất: Sơ lược hoá học về vỏ Trái Đất và khai thác tài nguyên từ vỏ Trái đất; Khai thác đá vôi; Công nghiệp silicate; Khai thác nhiên liệu hoá thạch.</li><li>- Nguồn carbon. Chu trình carbon và sự ấm lên toàn cầu</li></ul>
<b>Phân riêng</b>		
1	Cơ học	<ul style="list-style-type: none"><li>- Tốc độ chuyển động; đồ thị quãng đường- thời gian.</li><li>- Âm học: sự tạo thành sóng âm, tốc độ truyền âm; độ to, độ cao của âm; phản xạ âm, tiếng vang;</li><li>- Lực, biểu diễn lực; Đòn bẩy và momen lực;</li><li>- Áp lực, áp suất. Bình thông nhau, máy nén thủy lực;</li><li>- Lực đẩy Acsimet; áp suất; Momen quay;</li><li>- Công, công suất; cơ năng.</li></ul>
2	Quang học	<ul style="list-style-type: none"><li>- Ánh sáng, sự phản xạ ánh sáng, gương phẳng;</li><li>- Sự khúc xạ ánh sáng, lăng kính, thấu kính, kính lúp.</li></ul>
3	Điện học	<ul style="list-style-type: none"><li>- Từ trường;</li><li>- Hiện tượng nhiễm điện;</li><li>- Mạch điện, cường độ dòng điện, hiệu điện thế;</li><li>- Định luật Ôm cho các mạch điện chứa điện trở mắc nối tiếp, mắc song song...</li></ul>

		- Công suất điện, năng lượng điện.
4	Nhiệt học	- Năng lượng nhiệt và nội năng; - Sự truyền năng lượng nhiệt và sự nở vì nhiệt.
5	Thí nghiệm, thực hành	- Xây dựng phương án thực nghiệm, đo đạc các đại lượng vật lí; - Giải thích hoặc chứng minh các hiện tượng, định luật vật lí; - Sử lý số liệu, rút ra kết luận; - Đánh giá sai số, nguyên nhân và biện pháp hạn chế sai số.

#### 4. Mức độ yêu cầu

a) Đề thi gồm 4 mức độ: Nhận biết: 20%; Thông hiểu 30%; Vận dụng 30%; Vận dụng cao: 20%.

#### b) Lưu ý:

- Nội dung “**Phần chung**” chỉ ra đề ở **mức độ nhận biết**; tập trung vào các nội dung: *chuyển động nhìn thấy của Mặt Trời; chuyển động nhìn thấy của Mặt Trăng; Hệ Mặt Trời; Ngân Hà.*

- Nội dung đề thi nằm trong phần: cơ học, quang học, điện học và nhiệt học của môn KHTN lớp 6, lớp 7, lớp 8 và lớp 9 (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

- Hạn chế các câu mang nặng giải toán (toán hóa Vật lí), tăng cường các câu hỏi đi sâu vào bản chất bộ môn, giải thích các hiện tượng thực tiễn.

- Có các câu hỏi về phương án thực hành, để giáo viên và học sinh nắm bắt, giảng dạy và thực hành bộ môn.

### III. Môn Hóa học

1. Thời gian làm bài: 150 phút, không kể thời gian giao đề

2. Cấu trúc đề thi

Thanh điểm 10 (Phần chung 10%, phần riêng 90%).

TT	Mạch nội dung	Số điểm	Số câu hỏi	Loại câu hỏi	
<b>Phần chung</b>		Trái Đất và bầu trời	1,0	1	Tự luận
<b>Phần riêng</b>	1	Kiến thức cơ bản	1,5 điểm	1	Tự luận
	2	Lý thuyết vô cơ	2,0 điểm	1	Tự luận
	3	Lý thuyết hữu cơ	1,5 điểm	1	Tự luận
	4	Bài tập vô cơ	1,5 điểm	1	Tự luận
	5	Bài tập hữu cơ	1,5 điểm	1	Tự luận
	6	Thực hành thí nghiệm	1,0 điểm	1	Tự luận
<b>Tổng</b>		<b>10,0</b>	<b>7</b>	<b>Tự luận</b>	

### 3. Nội dung đề thi

TT	Mạch nội dung	Nội dung thi
<b>Phần chung</b>		
	<b>Trái Đất và bầu trời</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuyển động nhìn thấy của Mặt Trời</li> <li>- Chuyển động nhìn thấy của Mặt Trăng</li> <li>- Hệ Mặt Trời</li> <li>- Ngân Hà</li> <li>- Chu trình các chất trong hệ sinh thái</li> <li>- Sinh quyển và các khu sinh học trên Trái Đất</li> <li>- Khai thác tài nguyên từ vỏ Trái Đất: Sơ lược hoá học về vỏ Trái Đất và khai thác tài nguyên từ vỏ Trái đất; Khai thác đá vôi; Công nghiệp silicate; Khai thác nhiên liệu hoá thạch.</li> <li>- Nguồn carbon. Chu trình carbon và sự ám lên toàn cầu</li> <li>- Dinh dưỡng và tiêu hoá ở người.</li> <li>- Máu và hệ tuần hoàn của cơ thể người</li> <li>- Hệ hô hấp ở người.</li> </ul>
<b>Phần riêng</b>		
1	<b>Kiến thức cơ bản</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất, nguyên tử, nguyên tố hoá học.</li> <li>- Đơn chất và hợp chất, phân tử.</li> <li>- Công thức hoá học, hoá trị.</li> <li>- Liên kết hoá học.</li> <li>- Sự biến đổi của chất.</li> <li>- Phản ứng hoá học.</li> <li>- Phương trình hoá học.</li> <li>- Định luật bảo toàn khối lượng, mol.</li> <li>- Chuyển đổi giữa khối lượng, thể tích và lượng chất.</li> </ul>

		- Sơ lược về bảng tuần hoàn các nguyên tố hoá học
2	Lý thuyết vô cơ	- Các loại hợp chất vô cơ. - Dãy hoạt động hóa học, tính chất hoá học của kim loại. - <b>Chlorine</b> và các hợp chất của <b>Chlorine</b> - Carbon và hợp chất của carbon, - Aluminum và hợp chất của Aluminum - Iron và hợp chất của Iron - <i>Mở rộng thêm các bài đọc hiểu. Cung cấp các đơn vị kiến thức để học sinh tự giải quyết vấn đề.</i>
3	Lý thuyết hữu cơ	- Công thức cấu tạo hợp chất hữu cơ, dầu mỏ và khí thiên, nhiên liệu. - Methane, ethylene, acetylene, benzene, ethyl alcohol, acetic acid. - Mối liên hệ giữa ethylene, ethyl alcohol và acetic acid. - Glucose, sucrose, tinh bột và cellulose. - Chất béo, ester. - <i>Ứng dụng của chất hữu cơ vào cuộc sống</i>
4	Bài tập vô cơ	Tổng hợp kiến thức hoá vô cơ môn hoá THCS. <i>(Có thể mở rộng bài tập đọc hiểu để học sinh tự xử lí kiến thức).</i>
5	Bài tập hữu cơ	Tổng hợp kiến thức hoá hữu cơ môn hoá THCS <i>(Có thể mở rộng bài tập đọc hiểu để học sinh tự xử lí kiến thức).</i>
6	Thực hành thí nghiệm	- Thí nghiệm trong chương trình hiện hành

#### 4. Mức độ yêu cầu

a. Đề thi gồm 4 mức độ: Nhận biết: 20%; Thông hiểu 30%; Vận dụng 30%; Vận dụng cao: 20%.

#### b. Lưu ý:

- Nội dung “**Phần chung**” chỉ ra đề ở **mức độ nhận biết**; tập trung vào các nội dung: *Sơ lược hoá học về vỏ Trái Đất và khai thác tài nguyên từ vỏ Trái Đất; Khai thác đá vôi; Công nghiệp silicate; Khai thác nhiên liệu hoá thạch; Nguồn carbon. Chu trình carbon và sự ấm lên toàn cầu.*

- Nội dung “**Phần riêng**” nằm trong phần “**Chất và sự biến đổi chất**” của môn KHTN.

- Hạn chế các câu mang tính toán học hoá học, tăng cường các câu hỏi đi sâu vào bản chất hoá học, kỹ năng thực hành, giải thích các hiện tượng thực tiễn.

- Bài tập đọc hiểu để học sinh tự xử lí kiến thức chiếm không quá 10% điểm toàn đề thi.

#### IV. Môn Sinh học

a. Thời gian làm bài: 150 phút, không kể thời gian giao đề.

b. Cấu trúc đề thi

TT	Mạch nội dung	Số điểm	Số câu hỏi	Loại câu hỏi	
<b>Phần chung</b>	Trái Đất và bầu trời	1,0	1	Tự luận	
<b>Phần riêng</b>	1	Sinh học cơ thể người (lớp 8)	2,0	2	Tự luận
	2	Sinh thái (lớp 8)	1,0	1	Tự luận
	3	Di truyền (lớp 9)	5,0	5	Tự luận
	4	Tiến hoá (lớp 9)	1,0	1	Tự luận
Tổng số		<b>10,0</b>	<b>10</b>	Tự luận	

c. Nội dung đề thi

TT	Phần	Nội dung thi	
<b>Phần chung</b>	Trái Đất và bầu trời	<ul style="list-style-type: none"><li>- Chuyển động nhìn thấy của Mặt Trời</li><li>- Chuyển động nhìn thấy của Mặt Trăng</li><li>- Hệ Mặt Trời</li><li>- Ngân Hà</li><li>- Chu trình các chất trong hệ sinh thái</li><li>- Sinh quyển và các khu sinh học trên Trái Đất</li><li>- Khai thác tài nguyên từ vỏ Trái Đất</li><li>+ Sơ lược hoá học về vỏ Trái Đất” và khai thác tài nguyên từ vỏ Trái Đất</li><li>+ Khai thác đá vôi</li><li>+ Công nghiệp silicate</li><li>+ Khai thác nhiên liệu hoá thạch</li><li>+ Nguồn carbon. Chu trình carbon và sự ấm lên toàn cầu</li><li>- Nguồn carbon. Chu trình carbon và sự ấm lên toàn cầu</li></ul>	
	1	Sinh học cơ thể người (lớp 8)	<ul style="list-style-type: none"><li>- Dinh dưỡng và tiêu hoá ở người.</li><li>- Máu và hệ tuần hoàn của cơ thể người</li><li>- Hệ hô hấp ở người.</li></ul>
	2	Sinh thái (lớp 8)	<ul style="list-style-type: none"><li>- Môi trường và các nhân tố sinh thái.</li><li>- Hệ sinh thái.</li><li>- Cân bằng tự nhiên.</li><li>- Bảo vệ môi trường</li></ul>

<b>Phần riêng</b>	3	Di truyền (lớp 9)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiện tượng di truyền;</li> <li>- Mendel và khái niệm nhân tố di truyền (gene);</li> <li>- Từ gen đến protein;</li> <li>- Nhiễm sắc thể;</li> <li>- Di truyền nhiễm sắc thể;</li> <li>- Di truyền học với con người;</li> <li>- Ứng dụng công nghệ di truyền vào đời sống.</li> </ul>
	4	Tiến hoá (lớp 9)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khái niệm tiến hoá;</li> <li>- Bằng chứng tiến hoá.</li> <li>- Chọn lọc nhân tạo;</li> <li>- Chọn lọc tự nhiên;</li> <li>- Cơ chế tiến hoá.</li> </ul>

#### **d. Mức độ yêu cầu**

Đề thi gồm 4 mức độ: Nhận biết: 20%; Thông hiểu 30%; Vận dụng 30%; Vận dụng cao: 20%.

#### **Lưu ý:**

- Nội dung Phần chung chỉ ra đề ở mức độ Nhận biết; tập trung vào các nội dung: Chu trình các chất trong hệ sinh thái; Sinh quyển và các khu sinh học trên Trái Đất; Nguồn carbon. Chu trình carbon và sự ấm lên toàn cầu.

- Nội dung đề thi nằm trong phần Vật sống của môn KHTN lớp 8, lớp 9 (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

- Hạn chế các câu mang tính toán học hóa sinh học, tăng cường các câu hỏi đi sâu vào bản chất bộ môn, giải thích các hiện tượng thực tiễn.

- Có các câu hỏi về phương án thực hành, để giáo viên và học sinh nắm bắt, giảng dạy và thực hành bộ môn.

## **V. Môn Tin học**

Đề thi chọn học sinh giỏi môn tin học yêu cầu sử dụng ngôn ngữ lập trình (C/C++, Python,...) lập chương trình để giải các bài toán (chủ yếu nằm trong chương trình THCS).

Đề thi gồm có 4 câu, thời gian làm bài 150 phút, được phân bố như sau:

### **Câu 1. (4,0 điểm):**

Các bài toán kiểm tra các kỹ năng cơ bản về lập trình, hiểu biết về ngôn ngữ lập trình, giải quyết bài toán (mức độ trung bình, trung bình- khá hoặc khá) của các môn học trong chương trình học THCS, có sử dụng các kiểu dữ liệu cơ bản trong ngôn ngữ lập trình: kiểu số, kiểu kí tự, kiểu xâu, kiểu mảng (một chiều và hai chiều),...

**Mức độ thông hiểu (khá).**

### **Câu 2. (3,0 điểm):**

Các bài toán kiểm tra việc sử dụng các thuật toán cơ bản như sắp xếp, tìm kiếm,... có sử dụng các kiểu dữ liệu cơ bản trong ngôn ngữ lập trình: kiểu số, kiểu kí tự, kiểu xâu, kiểu mảng (một chiều và hai chiều),...

**Mức độ thông hiểu- Vận dụng (khá)**

### **Câu 3. (2,0 điểm):**

Các bài toán có thể giải được bằng cách sử dụng: giải thuật sắp xếp, kỹ thuật đệ quy, kỹ thuật chia để trị, kỹ thuật duyệt- quay lui, chiến lược tham lam, quy hoạch động,... có thể kết hợp với việc tổ chức dữ liệu một cách hợp lý.

**Mức độ vận dụng, vận dụng cao (khá- giỏi).**

### **Câu 4. (1,0 điểm):**

Các bài toán có thể giải được bằng cách sử dụng: giải thuật sắp xếp, giải thuật tìm kiếm, kỹ thuật đệ quy, kỹ thuật chia để trị, kỹ thuật duyệt- quay lui, chiến lược tham lam, quy hoạch động,... có thể kết hợp với việc tổ chức dữ liệu một cách hợp lý.

**Mức độ vận dụng, vận dụng cao (giỏi).**

### **Chú ý:**

- Bài thi được chấm bằng chương trình chấm tự động (thông qua chạy các test), có khống chế về thời gian và bộ nhớ khi chạy chương trình của các thí sinh để đánh giá. Chỉ xem xét văn bản chương trình để cho điểm trong các trường hợp đặc biệt.



- Mỗi câu có thể được chia thành nhiều subtask ứng với các mức độ nhận thức, mỗi điểm ứng với 1, 2, 3,... test và các test phải dần hướng tới tính hoàn thiện, dữ liệu lớn dần, độ khó của thuật toán tăng dần...
- Yêu cầu cán bộ giới thiệu đề thi phải có test chấm, code nguồn để giải quyết bài toán (code chuẩn) và tóm tắt giải thuật được sử dụng trong code nguồn của chương trình.

## **VI. Ngữ Văn**

**a. Thời gian làm bài:** 150 phút, không kể thời gian giao đề.

**b. Cấu trúc đề thi:** tổng 10,0 điểm

### **PHẦN I: ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)**

- Ngữ liệu mở, dài không quá 25 dòng thơ hoặc không quá 500 chữ (dưới 1,5 trang, đối với văn xuôi), ngoài ba bộ sách giáo khoa hiện hành và theo các thể loại của chương trình. Trọng tâm là những thể loại được học ở chương trình lớp 9.

+ Văn bản văn học: Truyện ngắn; Thơ lục bát, thơ tự do, thơ năm chữ, thơ sáu chữ, thơ bảy chữ, thơ tám chữ

+ Văn bản nghị luận: Nghị luận xã hội

- Thực hiện trả lời yêu cầu 5 câu hỏi (tự luận) dựa trên những yêu cầu cần đạt của Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Phần trả lời ngắn 1 câu (yêu cầu viết từ 7 -10 câu)

+ Nhận biết: 2 câu x 0,5 đ = 1,0 đ

+ Thông hiểu: 2 câu x 0,5 đ = 1,0 đ

+ Vận dụng viết đoạn trả lời ngắn từ 7-10 câu: 1 câu x 1,0 đ = 1,0 đ

### **PHẦN II: VIẾT (7,0 điểm)**

#### **Câu 1: Viết đoạn văn Nghị luận xã hội (2,0 điểm)**

- Viết 01 đoạn văn nghị luận xã hội, dung lượng khoảng 200 chữ.

- Chủ đề đoạn văn nghị luận xã hội không nhất thiết liên quan đến ngữ liệu đọc hiểu trong đề thi.

#### **Câu 2: Viết bài văn Nghị luận văn học (5,0 điểm)**

Từ ngữ liệu mở, (ngữ liệu không trùng với văn bản trong các bộ sách giáo khoa Ngữ văn hiện hành). Ngữ liệu không quá 30 dòng thơ hoặc không quá 600 chữ (khoảng 2 trang, đối với văn xuôi). Vận dụng những kiến thức trong phần Tri thức Ngữ văn/Kiến thức Ngữ văn THCS (lớp 9) và kỹ năng về kiểu bài phân tích tác phẩm văn học thuộc thể loại thơ hoặc truyện, theo yêu cầu của Chương trình Ngữ văn THCS 2018 để viết bài văn nghị luận văn học.

## VII. Môn Lịch sử

1. Thời gian làm bài: 150 phút, không kể thời gian giao đề.

2. Cấu trúc đề thi: Tổng 10,0 điểm

TT	Phần kiến thức	Số điểm	Số câu hỏi	Loại câu hỏi
1	Lịch sử thế giới	2,0	1	Tự luận
2	Lịch sử Việt Nam	7,0	3	Tự luận
3	Chủ đề chung	1,0	1	Tự luận
<b>Tổng</b>		<b>10,0</b>	<b>05</b>	Tự luận

### 3. Nội dung thi

STT	Nội dung	
1	<b>Lịch sử thế giới</b>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Cuộc Chiến tranh thế giới thứ 2 (1939-1945).</li><li>- Hội nghị Ian ta (2/1945) và sự hình thành trật tự thế giới mới sau chiến tranh.</li><li>- Tổ chức Liên hợp quốc (UN).</li><li>- Chiến tranh lạnh (1947-1989).</li><li>- Nước Mĩ từ năm 1945 đến nay.</li><li>- Tổ chức ASEAN.</li><li>- Liên Xô từ năm 1945-1991.</li><li>- Cách mạng KHKT và xu thế toàn cầu hóa.</li></ul>
2	<b>Lịch sử Việt Nam</b>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Phong trào dân tộc dân chủ trong những năm 1919-1925.</li><li>- Hoạt động của Nguyễn Tất Thành -Nguyễn Ái Quốc từ năm 1911-1945.</li><li>- Sự thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.</li><li>- Cách mạng tháng Tám năm 1945.</li><li>- Việt Nam sau Cách mạng tháng Tám năm 1945.</li><li>- Việt Nam từ năm 1954 -1975.</li><li>- Những thành tựu chủ yếu của công cuộc đổi mới đất nước từ năm 1986 đến nay.</li></ul>
3	<b>Chủ đề chung</b>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Văn minh châu thổ Sông Hồng và Sông Cửu Long.</li><li>- Bảo vệ chủ quyền, các quyền và các lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông.</li></ul>

### 4. Mức độ kiểm tra, đánh giá

- Nhận biết: 40%

- Vận dụng: 20%

- Thông hiểu: 30%

- Vận dụng cao: 10%

#### Lưu ý:

- Đề thi có nội dung thực hành kỹ năng lập bảng so sánh các sự kiện tiêu biểu trong Chương trình Lịch sử Việt Nam giai đoạn từ 1930-1975.

*- Đề thi phải tuân thủ cấu trúc đề thi và yêu cầu cần đạt của của Chương trình GDPT 2018./.*

### VIII. Môn Địa lí

1. Thời gian làm bài: 150 phút, không kể thời gian giao đề.
2. Cấu trúc đề thi: tổng 10,0 điểm

TT	Nội dung	Số điểm	Số câu	Loại câu hỏi
1	Địa lí tự nhiên đại cương	1,0	1,0	Tự luận
2	Địa lí tự nhiên Việt Nam	1,0	1,0	Tự luận
3	Địa lí dân cư Việt Nam	1,0	1,0	Tự luận
4	Địa lí các ngành kinh tế, sự phân hóa lãnh thổ	2,0	1,0	Tự luận
5	<i>Chủ đề chung</i>	1,0	1,0	Tự luận
6	Kỹ năng: Biểu đồ, nhận xét bảng số liệu.	4,0	1,0	Tự luận
	<b>Tổng</b>	<b>10,00</b>	<b>6</b>	

#### 3. Nội dung thi

TT	Chủ đề	Nội dung
1	<b>Địa lí tự nhiên đại cương</b>	<ul style="list-style-type: none"><li>- <b>Trái Đất –hành tinh của Hệ Mặt Trời</b> Chuyển động của Trái Đất và hệ quả địa lí.</li><li>- <b>Khí hậu và biến đổi khí hậu</b> Sự biến đổi khí hậu và biện pháp phòng ngừa</li></ul>
2	<b>Địa lí tự nhiên Việt Nam</b>	<ul style="list-style-type: none"><li>- <b>Đặc điểm địa hình, khí hậu, thủy văn, thổ nhưỡng, sinh vật của nước ta</b></li><li>- Đặc điểm chung của địa hình</li><li>- Khí hậu nhiệt đới gió mùa ẩm, phân hóa đa dạng</li><li>- Đặc điểm sông ngòi</li><li>- Đặc điểm chung của lớp phủ thổ nhưỡng, đặc điểm và sự phân bố các nhóm đất chính</li><li>- Đặc điểm chung của sinh vật, vấn đề bảo tồn đa dạng sinh học ở Việt Nam.</li></ul>
3	<b>Địa lí dân cư Việt Nam</b>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Thành phần dân tộc</li><li>- Gia tăng dân số ở các thời kì</li><li>- Cơ cấu dân số theo tuổi và giới tính</li><li>- Phân bố dân cư</li><li>- Các loại hình quần cư thành thị và nông thôn</li><li>- Lao động và việc làm</li><li>- Chất lượng cuộc sống</li></ul>
4	<b>Địa lí các ngành kinh tế, sự phân hóa lãnh thổ</b>	<b>Địa lí các ngành kinh tế</b> <ul style="list-style-type: none"><li>- Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản.</li><li>- Công nghiệp.</li><li>- Dịch vụ.</li></ul>
		<b>Sự phân hóa</b> <ul style="list-style-type: none"><li>- Trung du và miền núi Bắc Bộ.</li><li>- Đồng bằng sông Hồng.</li><li>- Bắc Trung Bộ.</li></ul>

	<b>lãnh thổ</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Duyên hải Nam Trung Bộ.</li> <li>- Tây Nguyên.</li> <li>- Đông Nam Bộ.</li> <li>- Đồng bằng sông Cửu Long.</li> <li>- Phát triển tổng hợp kinh tế và bảo vệ tài nguyên, môi trường biển đảo</li> </ul>
	<b>Chủ đề chung</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn minh châu thổ Sông Hồng và Sông Cửu Long (Biến đổi khí hậu và biện pháp ứng phó với biến đổi khí hậu ở vùng châu thổ của hai đồng bằng hiện đại).</li> <li>- Bảo vệ chủ quyền, các quyền và các lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông (Vai trò chiến lược của biển đảo Việt Nam).</li> </ul>
	<b>Kĩ năng</b>	Vẽ biểu đồ, nhận xét bảng số liệu và biểu đồ.

#### **4. Mức độ kiểm tra, đánh giá**

- Nhận biết: 20%
- Thông hiểu: 30%
- Vận dụng: 30%
- Vận dụng cao: 20%

## **IX. Môn Tiếng Anh (*dùng chuyên Tiếng Anh*)**

**1. Thời gian làm bài:** 150 phút, không kể thời gian giao đề.

**2. Cấu trúc đề thi:** tổng điểm toàn bài 100 chia 10 qui về thang điểm 10

**Phần I. Ngữ âm:** (5 câu hỏi tương đương 5 điểm)

1. Xác định đúng trọng âm của từ

2. Xác định đúng cách đọc các nguyên âm đơn, nguyên âm đôi, phụ âm.

**Phần II. Từ vựng:** (10 câu hỏi tương đương 10 điểm)

1. Cấu tạo từ (Word formation) (tự luận): 5 câu (5 điểm).

2. Kết hợp từ + Nghĩa của từ (multiple choice questions): 5 câu (5 điểm).

**Phần III. Ngữ pháp – Tình huống giao tiếp:** (15 câu hỏi tương đương 15 điểm)

1. Nội dung kiểm tra:

- Cấu tạo từ (Word formation), kết hợp từ + nghĩa của từ (multiple choice questions), cụm động từ (Phrasal verbs), thành ngữ (idioms);

- Mạo từ, danh từ, đại từ, động từ, giới từ, liên từ, từ nối...

- Câu đơn, câu phức, câu ghép, câu phức ghép, các mệnh đề (quan hệ, thời gian, mục đích, kết quả, nguyên nhân, nhượng bộ...);

- Cấu trúc đảo ngữ, nhấn mạnh, cảm thán....;

- Các chức năng lời nói.

2. Các dạng bài:

- Chia động từ (tự luận): 5 câu (5 điểm);

- Xác định lỗi sai và sửa lỗi sai trong đoạn văn: 5 câu (5 điểm);

- Chọn phương án đúng để hoàn thành câu (multiple choice questions): 5 câu (5 điểm).

**Phần IV. Đọc hiểu:** (30 câu hỏi tương đương 30 điểm)

1. Nội dung kiểm tra: Kiểm tra kỹ năng đoán nghĩa của từ trong văn cảnh, kỹ năng dự đoán ý, kỹ năng đọc lấy ý chính, lấy thông tin cụ thể, chính xác, kỹ năng tóm tắt ý...những đoạn văn có độ dài 250-400 từ theo các chủ điểm đã học.

2. Các dạng bài:

- Đọc và chọn phương án đúng để hoàn thành bài đọc (Cloze reading): 8 câu (8 điểm);

- Đọc và hoàn thành đoạn văn với 1 từ thích hợp (Open-cloze reading): 8 câu (8 điểm);

- Đọc và chọn phương án đúng để trả lời câu hỏi (Reading comprehension): 8 câu (8 điểm);

- Đọc và chọn câu phù hợp điền vào chỗ trống (Gapped text- Level B2): 6 câu (6 điểm)

**Phần V. Viết:** (20 điểm)

1. Diễn đạt một ý bằng những cấu trúc câu khác nhau (Transformation): 5 câu (5 điểm).

2. Viết lại câu bắt đầu bằng từ cho sẵn (Rewriting): 5 câu (5 điểm).

3. Viết bài văn (Essay writing) có độ dài 200-220 từ theo các chủ đề đã học (10 điểm).

**Phần VI. Nghe hiểu** (20 điểm)

Các dạng bài:

1. Nghe và xác định thông tin đúng, sai (Decide whether the statements are TRUE or FALSE).

2. Nghe và điền từ vào ô trống (Form completion OR sentence completion OR passage completion).

3. Nghe và trả lời câu hỏi. (Multiple choice questions OR open-ended questions).

**Yêu cầu:**

- Nhận biết 20%; Thông hiểu 30%; Vận dụng: 30%; Vận dụng cao: 20%.
- Đề thi bao gồm câu hỏi trắc nghiệm khách quan kết hợp tự luận.



## **X. Môn Tiếng Anh (*dùng chuyên ngoại ngữ khác chuyên Tiếng Anh*)**

**1. Thời gian làm bài:** 150 phút, không kể thời gian giao đề.

**2. Cấu trúc đề thi:** tổng điểm toàn bài 100 chia 10 qui về thang điểm 10

### **Phần I. Ngữ âm** (5 câu hỏi, mỗi câu 1 điểm)

1. Xác định đúng trọng âm của từ.

2. Xác định đúng cách đọc các nguyên âm đơn, nguyên âm đôi, phụ âm.

### **Phần II. Từ vựng** (15 câu hỏi, mỗi câu 1 điểm)

1. Cấu tạo từ (Word formation)

2. Kết hợp từ (Collocation)

### **Phần III. Ngữ pháp** (15 câu hỏi, mỗi câu 1 điểm)

1. Mạo từ

2. Danh từ

3. Đại từ

4. Động từ (Thời của động từ, dạng thức của động từ, thể bị động)

5. Tính từ

6. Trạng từ

7. Giới từ

8. Liên từ

9. Câu đơn, câu phức, các mệnh đề trong câu phức

10. Lời nói trực tiếp, gián tiếp

11. Câu điều kiện loại I và II

### **Phần IV. Đọc hiểu** (30 câu hỏi, mỗi câu 1 điểm)

Kiểm tra kỹ năng đoán nghĩa của từ trong văn cảnh, kỹ năng dự đoán ý, kỹ năng đọc lấy ý chính, lấy thông tin cụ thể, chính xác, kỹ năng tóm tắt ý...những đoạn văn có độ dài 200-300 từ theo các chủ điểm đã học.

### **Phần V. Kỹ năng viết** (20 điểm)

1. Diễn đạt một ý bằng những cấu trúc câu khác nhau (Transformation)

2. Viết câu hoàn chỉnh dựa vào từ gợi ý (Sentence building)

3. Viết đoạn văn (paragraph) có độ dài 100-150 từ theo chủ điểm

### **Phần VI. Nghe hiểu** (15 điểm)

1. Nghe và xác định thông tin đúng, sai (Decide whether the statements are True or False (5 điểm)

2. Nghe và điền từ vào ô trống (Fill in each blank with word (s)/number (5 điểm).

3. Nghe và trả lời câu hỏi. (Answer questions: Multiple choice questions / Open – ended questions) (5 điểm).

### **Yêu cầu:**

- Nhận biết 25%; Thông hiểu 40%; Vận dụng: 20%; Vận dụng cao: 15%.

- Đề thi bao gồm câu hỏi trắc nghiệm khách quan kết hợp tự luận.